

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14/5/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Huân;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Trung – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985.

Bị đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị H xin vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình T kết hôn ngày 20/12/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L.

Sau khi cưới, chị và anh T về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có 01 con chung: Phạm Việt H1, sinh ngày 11/10/2008.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do những năm gần đây chị và anh T bất đồng quan điểm trong làm ăn; chị buôn bán bên ngoài, còn anh T là cán bộ Nhà nước. Anh T chơi bời, không giúp được gì cho vợ con, chị nghi ngờ anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng anh T không thay đổi, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Đã nhiều lần chị định làm đơn xin ly hôn, nhưng được mọi người khuyên can, hai bên gia đình hoà giải, chị thương con nên chị không xin ly hôn, chấp nhận sống chung với anh T; hai người sống chung một nhà, nhưng không có tình cảm với nhau, không còn quan hệ vợ chồng, không liên quan gì đến kinh tế gia đình, ai làm người đó hưởng, không ai quan tâm đến ai. Đến cuối tháng 9/2024, do không chịu được cuộc sống chung, chị quyết định ly thân; chị đã đưa cháu H1 về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung như trình bày ở trên, hiện đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi con Phạm Việt H1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Đề chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Đình T đã được toà án giao Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng. Nhưng anh T không đến Toà nộp bản tự khai, cung cấp chứng cứ.*

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H xin vắng mặt, bị đơn anh Phạm Đình T vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 và Điều 72 của BLTTDS.

Áp dụng các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H. Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Phạm Đình T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu chung Phạm Việt H1, sinh ngày 11/10/2008 cho đến khi con chung thành niên (18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh Phạm Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin ly hôn anh Phạm Đình T và xin nuôi con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn anh Phạm Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của BLTTDS

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Đình T kết hôn ngày 20/12/2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do những năm gần đây chị H và anh T bất đồng quan điểm trong làm ăn. Theo chị H trình bày thì do anh T chơi bời, không giúp được gì cho chị và chị nghi ngờ anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng anh T không thay đổi; chị và anh T cãi nhau thường xuyên. Đến cuối tháng 9/2024, do không chịu được cuộc sống chung, chị đã quyết định ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa.

Toà án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh T đến Toà án cung cấp chứng cứ. Nhưng anh T không đến Tòa án nộp bản tự khai, không cung cấp chứng cứ và không chấp hành các quy định của BLTTDS về cung cấp chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H và anh T về đoàn tụ. Tuy nhiên chị H cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; còn anh T vắng mặt. Tại phiên tòa anh T tiếp tục vắng mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn anh T.

[5] Về con chung: Chị H và anh T có 1 con chung là Phạm Việt H1, sinh ngày 11/10/2008, hiện chị H đang nuôi. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy: Con H1 đang ở với chị H, để ổn định cuộc sống cho con chung, nên cần giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và cũng là nguyện vọng của con chung.

Quyền thăm con: Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Phạm Đình T.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Việt H1, sinh ngày 11/10/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.
Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.
Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004600 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, BG;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh